

Dự thảo

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 2019 & KẾ HOẠCH NĂM 2020 TỔNG KẾT NHIỆM KỲ IV (2015-2020) - KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ V(2020-2025)

Kính thưa : - Đại Hội Đồng Cổ Đông
 - Quý vị Cổ đông

Hôm nay tôi xin thay mặt HĐQT báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019. Tổng kết kết quả thực hiện của Nhiệm kỳ IV (2015-2020) và Phương hướng mục tiêu, giải pháp cho Nhiệm kỳ V giai đoạn 2020-2025, cụ thể như sau:

PHẦN 1 : BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SX-KD NĂM 2019

1. Tình hình thế giới năm 2019:

Năm 2019 tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp với nhiều kịch bản khó lường, với xung đột chính trị, cạnh tranh giữa các nước lớn gay gắt, chiến tranh thương mại gia tăng, cụ thể:

- Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung được đánh giá là yếu tố tác động lớn nhất đến nền kinh tế toàn cầu khi gây ra những biến động trên thị trường chứng khoán trong nhiều tháng, và đẩy nền kinh tế toàn cầu đến gần với sự suy giảm nghiêm trọng.

- Việc Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) chấp thuận để Mỹ đánh thuế hàng năm lên tới 7,5 tỷ USD nhằm vào hàng xuất khẩu từ EU đã làm tăng nguy cơ của một cuộc chiến thuế quan mới giữa Mỹ và EU, có nguy cơ trở thành trận chiến thương mại tốn kém và nhiều khả năng sẽ không bên nào thắng cuộc.

- Căng thẳng thương mại giữa Nhật Bản và Hàn Quốc là một dấu hiệu cho thấy trật tự toàn cầu hiện đang sụp đổ. Cùng với đó, làm tổn hại tình hình chính trị vốn mong manh ở Đông Bắc Á, nếu hai bên không thể tìm ra giải pháp. Đồng thời, việc này xảy ra vào đúng thời điểm căng thẳng kéo dài giữa Mỹ và Trung Quốc tiếp tục khiến hoạt động kinh tế toàn cầu giảm tốc đã làm ảnh hưởng đến nhiều nền kinh tế phụ thuộc vào thương mại.

- Trung Quốc bị suy giảm kinh tế do tác động từ cuộc chiến thương mại với Mỹ. Trong bối cảnh nền kinh tế Trung Quốc đang xấu đi, rất nhiều quốc gia khác cũng chịu tác động tiêu cực. Nhu cầu của Trung Quốc tăng chậm hơn đã làm giảm doanh thu, lợi nhuận và giá trị thị trường của các doanh nghiệp. Việc người tiêu dùng Trung Quốc chi tiêu tiết kiệm hơn cũng đã kéo theo doanh thu của hàng loạt các công ty giảm mạnh.

2. Tình hình ngành dệt may Việt Nam:

- Kim ngạch xuất khẩu thị trường chính :

TT	Thị trường	Năm 2018 (tỷ USD)	Năm 2019 (tỷ USD)	So sánh 2019/2018 (%)
01	Mỹ	14,006	15,20	108,52
02	Châu Âu	4,304	4,40	102,23
03	Nhật Bản	4,008	4,20	104,79
04	Hàn Quốc	3,830	4,00	104,44
05	China	3,970	4,25	107,05
06	Khác	5,885	6,67	113,34
	Tổng cộng:	36,003	38,72	107,55

3. Kết quả đạt được trong năm 2019 :

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2019 giao chỉ tiêu năm 2019:

- Doanh thu : **480 tỷ**
- Lợi nhuận : **21 tỷ**
- Cổ tức : **15 %/VĐL**

Đến giữa năm 2019, nhận thấy tình hình thị trường của Công ty hết sức khó khăn nhất là khu vực phía bắc nên HĐQT đã thống nhất giao nhiệm vụ năm 2019 cho Ban điều hành là cố gắng phấn đấu đạt các chỉ tiêu doanh thu/lợi nhuận tương đương mức đã thực hiện của năm 2018, kết quả thực tế đã gần đạt được mục tiêu này.

*** Các chỉ tiêu thực hiện :**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2018	2019		% /so với	
				Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện 2018
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	450.133	480.000	438.441	91,34%	97,40%
I.1	Doanh thu xuất khẩu	Triệu đồng	430.853		416.392		96,64%
	Trong đó : * FOB	Triệu đồng	250.433		265.622		106,06%
	* CM	Triệu đồng	180.420		150.770		83,57%
I.2	Doanh thu khác (vải tiết kiệm, hàng tồn , TLý MMTB)	Triệu đồng	5.064		6.019		118,9%
I.3	Doanh thu Fob nội địa (KD)	Triệu đồng	12.044		14.169		117,6%
I.4	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	1.829		1.415		77,36%
I.5	Thu nhập khác	Triệu đồng	343		446		129,74%
II	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	20.159	21.000	20.259	96,47%	100,5%
III	Cổ Túc	%	15	15	15	100%	100%
	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	đồng	3.113		2.726		87,57%
IV	Lao động bình quân :	Người	1.568		1.458		93%
	Tăng		506		384		76%
	Giảm		549		539		98%
V	Năng suất LĐ (USD/ng/ tháng)	USD	547		533		97,4%

	Khu A		700		745		106,4%
	+ Thành Phát		619		634		102%
	+ Thiên Đức		689		726		105%
	+ Minh Quân		790		882		111,5%
	+ Xưởng Thêu		1.186		1.281		108%
	Khu B		648		670		103,4%
	Minh Hà		409		378		92,4%
	Minh Hải		537		435		81%
VI	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	8,179		8,368		102%
	Khu A		9,641		10,076		104,5%
	Khu B		8,705		8,793		101%
	Minh Hà		6,884		6,781		98,5%
	Minh Hải		7,238		7,452		103%
VI	Chi phí BHXH	Triệu đồng	21.502		24.816		115%
	Khu A		9.641		9.731		100,9%
	Khu B		1.635		1.647		100,7%
	Minh Hà		6.650		10.100		152%
	Minh Hải		3.576		3.338		93%

*** Đánh giá:**

- Doanh thu sản xuất kinh doanh năm 2019 giảm so với thực hiện năm 2018 và kế hoạch năm 2019 lần lượt là 97,4% và 91,34%, tương ứng giảm 11.692 triệu đồng và 41.559 triệu đồng chủ yếu do:
 - + Doanh thu hàng FOB chỉ tăng 6% so với năm 2018 (dự kiến KH 2020/2019 tăng 10-15%) do ảnh hưởng từ các cuộc chiến tranh thương mại giữa các nước lớn trên thế giới dẫn đến nguồn hàng FOB dự kiến tăng của Công ty bị ảnh hưởng.
 - + Doanh thu CM giảm khoảng 16% so với năm 2018 phần lớn tập trung tại các Chi nhánh phía Bắc (Minh Hà khu vực Vĩnh Phúc, Minh Hải). Nguồn hàng cho các CN phía Bắc trong quý II và III/2019 bị thiếu hụt rất nhiều, Ban Điều hành công ty đã nỗ lực tìm kiếm đơn hàng nhưng không đáp ứng đủ cho sản xuất, chỉ đủ duy trì cho CN có việc làm, từ đó dẫn đến doanh thu giảm sút nghiêm trọng, bù lương để ổn định lao động. Tình hình có khởi sắc hơn trong quý IV/2019 nhưng vẫn chỉ vừa đủ để ổn định sản xuất.
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2019 giảm so với năm 2018 là 414 triệu đồng, do: Năm 2019, biến động tỷ giá đầu – giữa – cuối năm (23.150 – 23.300 – 23.100) nên lãi tỷ giá chỉ có 231 triệu đồng nửa đầu năm nhưng lỗ chênh lệch tỷ giá là 266 triệu đồng vào cuối năm; lãi tiền gửi là 1,183 tỷ đồng.
- + Cổ tức phần góp vốn 700 triệu đồng liên kết với Công ty CP Nguyên Phụ Liệu dệt may Bình An chưa nhận được thông báo chia cổ tức.
- Chi phí BHXH năm 2019 (24.816 triệu đồng) tăng so với năm 2018 (21.502 triệu đồng) do lương tối thiểu vùng tăng 5% đã ảnh hưởng âm(-) **3.314 triệu đồng** đến lợi nhuận của Công ty.
- Lực lượng lao động năm 2019 tăng **384 LĐ**, giảm **539 LĐ**, chênh lệch giảm **155 LĐ**; số lao động giao kế hoạch bình quân giảm so với năm 2018 **93 LĐ** tương ứng giảm doanh thu khoảng **20.000 triệu đồng** (20 tỷ)
- Do đó, dù lợi nhuận năm 2019 chỉ đạt 20.259 triệu đồng bằng 96,5% kế hoạch và 100,5% thực hiện 2018 là nỗ lực không nhỏ của toàn thể CB-CNV Công ty.

3.a/ Một số điểm đạt được trong công tác điều hành

- Với sự chỉ đạo của HĐQT cùng nỗ lực không ngừng của BĐH và toàn thể người lao động Công ty đã mang lại nhiều kết quả đáng khích lệ, cụ thể sau:
- Doanh thu thực hiện 2019: **438 tỷ** / 450 tỷ; đạt 97% so với thực hiện 2018
- Lợi nhuận thực hiện 2019: **20,259 tỷ**/ 20,159 tỷ; đạt 100,5% so với thực hiện năm 2018.
- Thời gian làm việc của người lao động duy trì giảm đáng kể so với trước đây, Công nhân không còn làm ngày chủ nhật, lễ.
- Nguồn hàng, thị trường đã từng bước tái cơ cấu, sàng lọc cho chiến lược lâu dài nên đôi lúc còn thiếu cục bộ tạo cho người lao động tâm lý chưa thật an tâm với công ty (CN Hải Phòng, Hà Nội).
- Nhà xưởng đã cải tạo triệt để về môi trường làm việc, hoàn thiện các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO, SA, WRAP ... tạo điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất hiện có để đón nhận các đơn hàng thuận lợi hơn .
- Kiện toàn bộ máy quản lý sản xuất, đầu tư MMTB chuyên dùng chủ lực cho các nhà máy, nâng dần NSLĐ gần đạt chuẩn cao của ngành.
- Đã đầu tư cơ sở hạ tầng cho các khu vực đảm bảo tối thiểu điều kiện sản xuất: Bình Dương, Hải Phòng, Hà Nội ...nhưng so với ngành thì chưa đạt chuẩn .
- Luôn duy trì nhiều chính sách ưu đãi, linh hoạt, quan tâm tối ưu về vật chất, tinh thần cho người lao động trong toàn hệ thống.
- Duy trì phương thức hoạt động: Công ty là trung tâm, giao dịch, đàm phán, thỏa thuận thống nhất với khách hàng; Các nhà máy, Chi nhánh tập trung sản xuất theo chỉ đạo, phân bổ nguồn hàng, giám sát của Công ty.

3.b/ Kết quả hoạt động kinh doanh nội địa:

- | | |
|--------------------------------|------------------------------------|
| - Doanh thu nội địa năm 2019 : | 14.169 triệu đồng , cụ thể: |
| + Thương hiệu Công ty | 3.835 triệu đồng |
| + Đồng phục cho các đơn vị | 4.789 triệu đồng |
| + Nhãn hàng riêng | 5.545 triệu đồng |
| - Lợi nhuận (DT-Chi phí) | 639 triệu đồng |

4. Một số hạn chế :

- Công tác thị trường còn nhiều hạn chế, một phần ảnh hưởng do thực trạng của Công ty về cơ sở hạ tầng, manh mún, nhỏ lẻ nhiều khu vực, nhà máy sản xuất chưa đạt chuẩn tiên tiến của ngành ... Chưa tìm kiếm được khách hàng lâu dài, mang tính chiến lược, còn ăn đong một vài thời điểm nhất định, chưa ổn định sản xuất cho Chi nhánh Hà Nội và Hải Phòng.
- Tình hình lao động có xu hướng cạnh tranh khốc liệt tại các trung tâm lớn: dịch chuyển cơ cấu ngành nghề ... ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty nhất là tại các nhà máy có vị trí trung tâm (Trụ sở chính, Minh Hà, Minh Hải).

- Công tác tuyển dụng, huấn luyện đào tạo cán bộ (cấp trung) cho ngành may, cho Công ty về lực lượng kế thừa còn khó khăn nhất định chưa thật sự hiệu quả, nhìn chung nguồn nhân lực chuyên môn giỏi, tay nghề cao hiện nay rất khó tuyển dụng vào ngành may mặc.

PHẦN 2 : TỔNG KẾT NHIỆM KỲ IV (2015-2020)

1. Hoạt động của HĐQT:

Trong suốt nhiệm kỳ, với mục tiêu chấn chỉnh toàn diện các mặt hoạt động của Công ty để ngày càng ổn định bền vững tạo đà cho Bình Minh phát triển sau năm 2020. Trong nhiệm kỳ HĐQT đã có 26 cuộc họp (bình quân 5,2 lần họp/1 năm), ban hành 26 nghị quyết với các nhóm nội dung sau:

1.1 Về công tác quản trị Công ty:

- + HĐQT đã ban hành 6 Nghị quyết với nội dung rà soát lại hệ thống quy chế hiện hành để xem xét tính phù hợp của từng văn bản; ban hành “Quy chế tài chính” để giao quyền tự chủ về tài chính cho BĐH hoạt động.
- + HĐQT đã ban hành 4 Nghị quyết để xử lý các vấn đề tài chính tồn đọng từ nhiệm kỳ trước (Xử lý khoản vay 2,3 tỷ của cá nhân vay Công ty; xử lý khoản lương/thưởng đã chi vượt quy định và trích lập dự phòng hàng chậm luân chuyển gần 10 tỷ).
- + HĐQT đã ban hành 2 Nghị quyết về việc tăng 5% (năm 2015), 40% (2018) vốn điều lệ của Công ty; 6 Nghị quyết có nội dung liên quan đến việc đưa cổ phiếu ra giao dịch trên sàn UpCom. Ngày 10/12/2018 Công ty chính thức là Công ty đại chúng, cổ phiếu Công ty chính thức được giao dịch trên sàn UpCoM (sàn giao dịch chưa niêm yết).
- + Đã ban hành & thông qua: “Quy chế nội bộ về quản trị Công ty” ngày 14/5/2019 và “Điều lệ Công ty” ngày 23/3/2020 theo quy định của Nghị Định số 71/2017/NĐ-CP/2017 của Chính phủ & hướng dẫn bởi Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính.

1.2 Về công tác nhân sự:

- + Ban hành 08 nghị quyết liên quan đến công tác nhân sự; quy hoạch đào tạo cán bộ chủ chốt phục vụ cho công tác điều hành hiện tại và mở rộng sản xuất trong tương lai; kiện toàn tổ chức bộ máy của công ty – đặc biệt là 2 Nghị quyết bổ nhiệm Tổng giám đốc người đại diện pháp luật Công ty.
- + Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động Công ty; tuyển dụng bổ sung hoàn chỉnh (đúng người, đúng việc, đúng tầm) cho các phòng nghiệp vụ mang tính chiến lược: Phòng Kỹ Thuật Công Nghệ, Phòng Kế hoạch – Xuất nhập khẩu, Phòng Tài Chính – Kế toán nhằm chuyển dần phương thức sản xuất – kinh doanh từ gia công (CM) sang FOB và tiệm cận đến ODM nhằm không ngừng tạo giá trị gia tăng cao qua hàng năm cho Công ty.
- + HĐQT đã quan tâm đến nguồn nhân lực kế thừa lãnh đạo Công ty từ nhiệm kỳ V (2020-2025) trở về sau nên cử nhiều cán bộ trong kỳ tham gia các khóa đào tạo Quản trị doanh nghiệp, kỹ năng giao tiếp, tìm kiếm thị trường ... và từng bước đã khẳng định vai trò, vị thế của các cán bộ được đào tạo nói trên (như GĐCN Bình Dương, Minh Hải hiện nay).

1.3 Về công tác điều hành:

- + HĐQT đã thường xuyên chú trọng đánh giá hiện trạng Công ty; đánh giá lựa chọn thị trường - khách hàng – nguồn hàng; đã có nhiều giải pháp phù hợp với thực trạng của Công ty từng giai đoạn, thời kỳ nhằm tăng NSLĐ, tăng thu nhập cho người lao động, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận. HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện chỉ tiêu tăng NSLĐ liên tục qua từng năm là chỉ tiêu cốt lõi của BM mà nhiều năm trước đây chưa được quan tâm, đầu tư phù hợp (Có 18 nghị quyết trong 5 năm liên quan đến nội dung cốt lõi này).
- + HĐQT đã chỉ đạo thành lập thêm các phòng chuyên môn: Phòng Nghiên cứu – Cải tiến, Phòng Thị trường .. nhằm hỗ trợ, phục vụ tối đa cho sản xuất ... từng bước đã tác động tích cực đến hoạt động sản xuất của Công ty ngày càng hiệu quả.
- + HĐQT luôn quan tâm đối với người lao động: có nhiều chính sách, cơ chế thưởng, kích cầu linh hoạt để tạo động lực cho mọi người cùng phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, có cơ hội cống hiến nhằm ngày càng nâng cao mức sống cho người lao động ngang tầm với các ngành nghề có mức sống trung bình khá.

1.4 Về công tác đầu tư mở rộng sản xuất Công ty :

HĐQT đã ban hành 14 Nghị quyết về các giải pháp đầu tư tại cơ sở hiện có và đầu tư mới nhằm mục tiêu phát triển lâu dài/bền vững cho Công ty:

- + Với các cơ sở hiện có: chỉ đạo BDH đầu tư chỉnh trang cơ sở vật chất, nhà xưởng để đạt tiêu chuẩn kiểm định WRAP; đổi mới máy móc thiết bị hiện đại để tăng NSLĐ; khai thác quỹ đất hiện có chưa sử dụng một cách hiệu quả nhất.
- + Đã quyết liệt, sát sao khảo sát các địa điểm tiềm năng để triển khai đầu tư mở rộng sản xuất, tổ chức nhiều chuyến đi thực địa cùng BDH để khảo sát các vị trí tiềm năng phục vụ cho đầu tư mở rộng sản xuất nhưng do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan nên chưa hoàn thành được, nguyên nhân chính là giải quyết mối quan hệ: **nguồn vốn đầu tư - Thị trường – lực lượng lao động** tại địa phương cần mở rộng nhà máy (lao động nữ cho ngành, trình độ nhận thức để phù hợp với vận hành MMTB chuyên môn hóa cao).
- + Hiện nay đã hoàn tất hợp tác chiến lược với khách hàng Nhật Bản:
 - Sản xuất hàng Sơ mi cao cấp (phía khách hàng đầu tư MMTB trị giá khoản ± 3 triệu USD cho Công ty, trả chậm từ tiền gia công sản phẩm thời hạn 7 năm), nguồn hàng do Nhật đảm bảo. Đã thống nhất với Khách hàng về: chủng loại hàng hóa, cam kết đủ hàng, giá cả từng loại sản phẩm, quy mô nhà máy {9.000 m2 tương ứng 1.000 lao động theo thiết kế tiêu chuẩn, hiện đại (giai đoạn 1)}.
 - Hiện nay dự án tại Hậu Giang đã được chính quyền chấp thuận chủ trương đầu tư , Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định cho Nhà máy sớm đi vào hoạt động.

➔ Theo kế hoạch tháng 3/2020 sẽ ký hợp đồng thuê đất với chính quyền địa phương và tiến hành san lấp mặt bằng. Tuy nhiên do tình hình dịch Covid-19 phát sinh bất khả kháng (từ sau tết nguyên đán) nên mọi việc tạm dừng lại. Khi hết dịch (dự kiến tháng 6/2020) thì sẽ tiếp tục dự án trên với: Khách hàng + Chính quyền Hậu Giang.

1.5 Về kinh doanh nội địa, phát triển thương hiệu:

- + Đầu nhiệm kỳ HĐQT đã ban hành 04 Nghị quyết liên quan phát triển thương hiệu Gendai của Công ty. Chỉ đạo BDH triển khai nhiều giải pháp xử lý dứt điểm hàng

tồn chậm luân chuyển và tiếp tục phát triển theo định hướng tập trung mặt hàng sơ mi nam Gendai; mở thêm hệ thống tiêu thụ nhưng phải đảm bảo tính hiệu quả. Hiện nay đã ổn định và hoạt động có hiệu quả qua từng năm.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tổng hợp kết quả một số chỉ tiêu chủ yếu trong 5 năm (2015 – 2019):

a/ Tình hình tài chính tổng quan:

ST T	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019	So sánh CK/ĐK (%)
	TÀI SẢN	160.124	169.891	166.969	184.946	177.835	111%
A	Tài sản ngắn hạn	120.166	130.827	128.057	147.408	144.556	120%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	15.751	26.205	29.759	22.810	41.739	265%
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn		400	400	8.300	13.931	
III	Phải thu ngắn hạn	41.353	46.605	36.997	45.101	44.235	107%
	<i>trong đó: Phải thu khách hàng</i>	37.421	43.189	33.782	42.854	42.066	112%
	<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	(219)	(219)	-	-	-	
IV	Hàng tồn kho	52.155	46.692	50.131	65.617	40.760	78%
	<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	(6.293)	(5.141)	(139)	-	-	
V	Tài sản ngắn hạn khác	10.907	10.925	10.770	5.580	3.891	36%
B	Tài sản dài hạn	39.958	39.064	38.912	37.538	33.279	83%
I	Phải thu dài hạn	417	477	463	957	915	219%
II	Tài sản cố định	29.215	29.338	27.276	24.851	24.068	82%
III	Bất động sản đầu tư				-	-	
IV	Đầu tư tài chính dài hạn	700	700	700	700	700	100%
V	Tài sản dài hạn khác	9.626	8.549	10.473	11.030	7.596	79%
	NGUỒN VỐN	160.124	169.891	166.969	184.946	177.835	111%
A	Nợ phải trả	93.910	99.940	89.594	100.995	87.734	93%
I	Nợ ngắn hạn	93.532	99.765	89.379	100.642	87.320	93%
	<i>trong đó: vay ngắn hạn</i>	19.103	11.304	5.216	-	-	
II	Nợ dài hạn	378	175	215	353	414	110%
	<i>trong đó: vay dài hạn</i>			-	-	-	
B	Vốn chủ sở hữu	66.214	69.951	77.375	83.951	90.101	136%
I	Vốn góp của chủ sở hữu	37.800	37.800	37.800	52.920	52.920	140%
II	Quỹ đầu tư phát triển	18.472	19.517	20.968	22.580	24.182	131%
III	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	9.942	12.634	18.607	8.451	12.999	131%

b/ Thu nhập lương thưởng – Năng suất lao động-Chi phí BHXH:

Đơn vị	Nội dung	Đơn vị tính	2015	2016		2017		2018		2019	
Khu A	LĐBQ	Người	713	676	95%	663	93%	612	86%	583	82%
	TNBQ	Ngàn đồng	6.978	7.379	106%	8.182	117%	9.641	138%	10.076	144%
	NSLĐBQ	USD	560	623	111%	656	117%	700	125%	745	133%
Khu B	LĐBQ	Người	242	163	67%	139	57%	120	50%	115	47%
	TNBQ	Ngàn đồng	6.061	6.866	113%	7.616	126%	8.705	144%	8.793	145%
	NSLĐBQ	USD	342	500	146%	614	179%	648	189%	670	196%
CN Hà Nội	LĐBQ	Người	544	525	96%	540	99%	564	104%	542	99%
	TNBQ	Ngàn đồng	5.597	5.667	101%	6.442	115%	6.884	123%	6.781	121%
	NSLĐBQ	USD	340	306	90%	394	116%	409	120%	378	111%
CN Hải Phòng	LĐBQ	Người	268	270	100%	249	93%	242	90%	201	75%
	TNBQ	Ngàn đồng	4.921	5.866	119%	6.401	130%	7.238	147%	7.452	151%
	NSLĐBQ	USD	355	437	123%	458	129%	537	151%	435	122%
Toàn công ty	LĐBQ	Người	1.838	1.658	90%	1.609	87%	1.568	85%	1.458	79%
	TNBQ	Ngàn đồng	6.115	6.528	107%	7.263	119%	8.179	134%	8.368	137%
	NSLĐBQ	USD	420	462	110%	519	124%	547	130%	533	127%

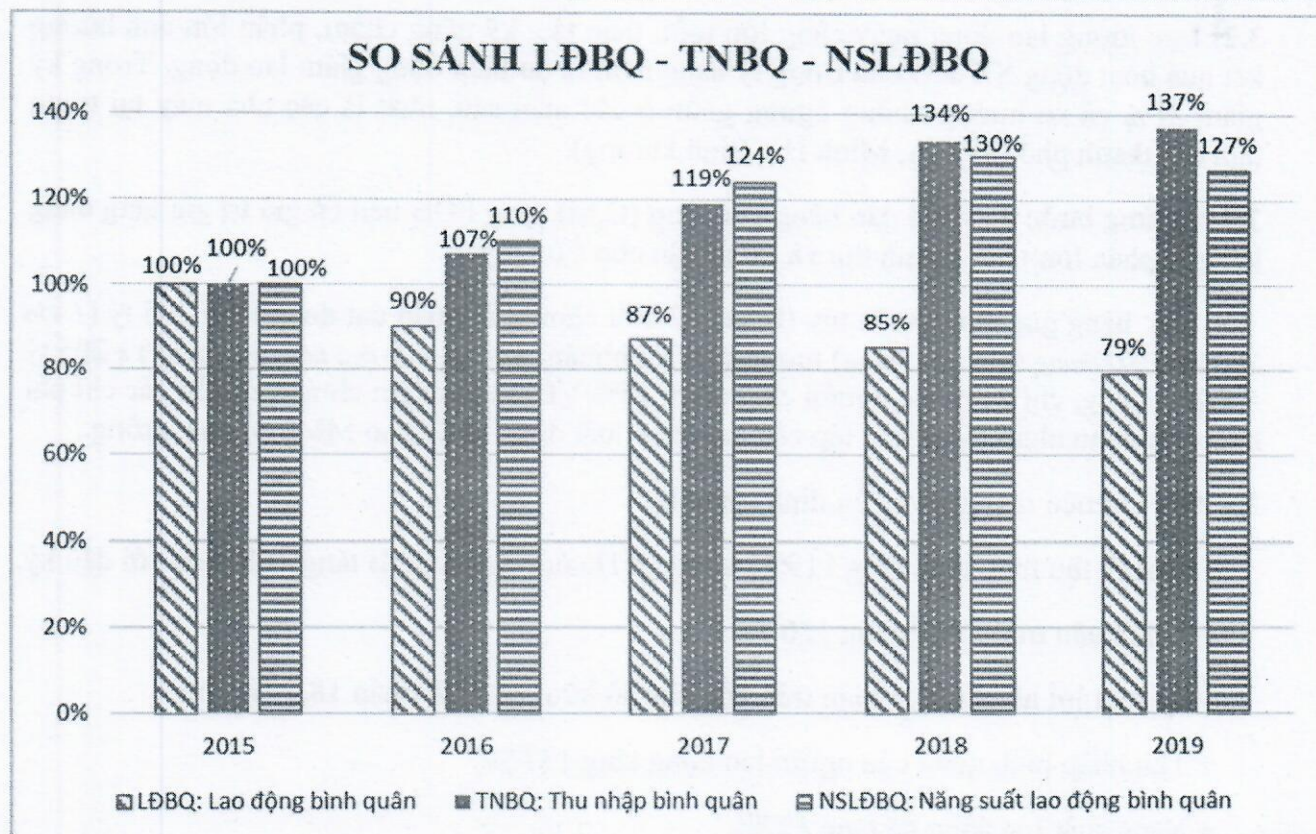
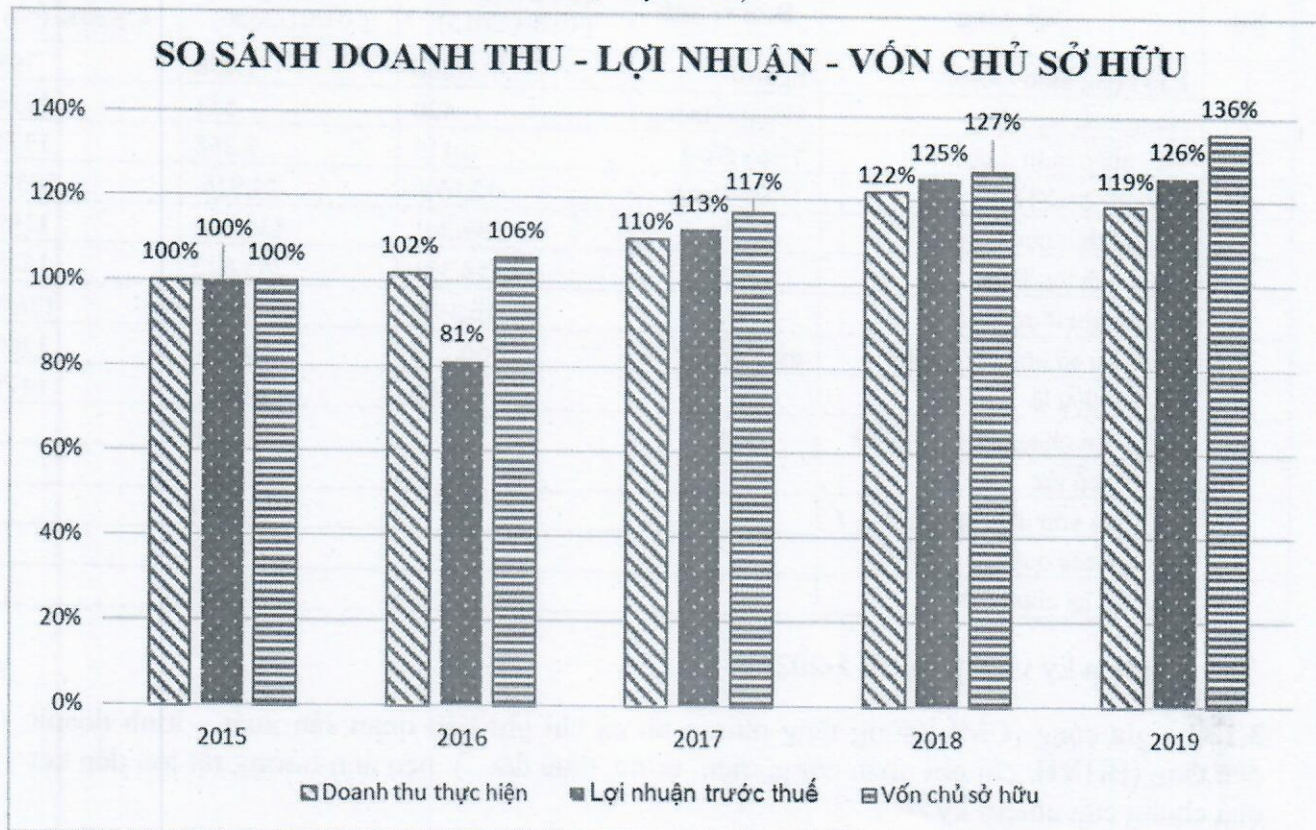
c/ Một số chỉ tiêu tài chính nổi bật:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu chủ yếu	2015	2016	2017	2018	2019	So sánh CK/ĐK (%)
Doanh thu thực hiện	369.201	375.974	406.978	450.133	438.442	119%
Trong đó:						
-Doanh thu FOB	158.301	172.192	205.023	250.434	265.622	168%
-Doanh thu gia công	196.338	186.550	188.090	180.419	150.770	77%
-Doanh thu KD NĐ	5.816	8.914	9.404	12.044	14.169	243%
-Doanh thu khác	1.870	4.427	3.240	5.064	6.019	322%
-Doanh thu HĐ TC	3.759	1.669	581	1.829	1.415	38%
-Thu nhập khác	3.117	2.222	641	343	446	14%
Lợi nhuận trước thuế (KH)	20.000	12.000	18.000	20.000	21.000	105%
Lợi nhuận trước thuế (TH)	16.108	13.065	18.135	20.159	20.259	126%
Lợi nhuận sau thuế (TH)	12.517	10.452	14.502	16.127	16.026	128%
Vốn điều lệ	37.800	37.800	37.800	52.920	52.920	140%
Vốn chủ sở hữu	66.214	69.951	77.375	83.951	90.101	136%
Tỷ suất lợi nhuận/ D.thu	4,36%	3,47%	4,46%	4,48%	4,62%	BQ: 4,3%
Tỷ suất LN/VCSH (ROE)	20%	15,4%	19,7%	20%	18,4%	BQ: 18,7%

Cổ tức	15%	15%	15%	15%	15%	BQ: 15%
Lãi cơ bản trên 1 CP (EPS)	3.027	2.489	3.453	3.113	2.726	BQ: 2.961

(Lợi nhuận trước thuế 2016 :16.680 triệu đồng giảm 3.615 triệu đồng do trích dự phòng của nhiệm kỳ trước)



3. Đánh giá chung về tình hình và kết quả hoạt động của Công ty:

Các điểm đạt được trong nhiệm kỳ IV(2015-2020):

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Đầu nhiệm kỳ (01/01/2015)	Cuối nhiệm kỳ (01/01/2020)	So sánh CK/ĐK (%)
1	Lao động bình Quân	người	1.836	1.458	79%
2	Năng suất lao động	USD/lđ/tháng	420	533	127%
3	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	6.115	8.368	137%
4	Chi phí BHXH	Triệu đ/năm	12.078	24.816	205%
5	Doanh thu thực hiện	"	369.201	438.442	119%
	+Doanh thu FOB	"	158.301	265.622	168%
6	Lợi nhuận thực hiện	"	16.108	20.259	126%
7	Vốn chủ sở hữu, trong đó:	triệu đồng	66.214	90.101	136%
	+Vốn điều lệ	"	36.000	52.920	147%
8	Tổng lợi nhuận 2015→2019	5 năm		69.702	
	+ Chi cổ tức			32.886	
	+ Tăng vốn điều lệ (thưởng)			16.920	
	+ Lập các quỹ (PL. ĐTPT)			14.049	
	+ Còn lại chưa PP			12.999	

Trong nhiệm kỳ vừa qua (2015-2020) :

3.1 Giá gia công (CM) không tăng nhưng tất cả chi phí liên quan sản xuất – kinh doanh đều tăng (BHXH, chi phí nhân công, điện, nước, thuê đất ..) nên ảnh hưởng rất lớn đến kết quả chung của nhiệm kỳ.

3.2 Lực lượng lao động ngày càng lớn tuổi, thao tác, kỹ năng chậm, phần lớn ảnh hưởng kết quả hoạt động SX-KD của Công ty hàng năm là do biến động giảm lao động. Trong kỳ giảm 21% và xu hướng không ngừng giảm ở các năm sau, nhất là các nhà máy tại trung tâm các thành phố (Khu A, Minh Hà, Bình Dương).

3.3 Đã từng bước thay thế dần hàng gia công (C.M) sang FOB nên có giá trị gia tăng đáng kể, góp phần lớn tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

+ Với hàng gia công thuần túy (C.M) thì mỗi năm bình quân đạt doanh thu 205 tỷ (1.458 lđ x 533 USD/tháng /lđ x 11,5 tháng) tương ứng lợi nhuận: 4% (tỷ suất tiền tiến của ngành) x 205 tỷ = **8,2 tỷ đồng**, chỉ đảm bảo nguồn chi cổ tức 15%/VĐL hàng năm chưa tính đến các chi phí khác: thuế thu nhập DN, trích lập các quỹ theo luật định, khấu hao MMTB, nhà xưởng..

3.4 Các chỉ tiêu tăng trưởng ổn định trong kỳ:

+ Doanh thu thực hiện tăng 119%, trong đó Doanh thu từ FOB tăng 168% so với đầu kỳ.

+ Lợi nhuận trước thuế tăng 126 %

+ Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu đạt bình quân 18,7 %/năm

+ Thu nhập bình quân của người lao động tăng 137 %.

+ Năng suất lao động đã tăng 127%

3.5 Đã cải tạo nhà xưởng, nơi làm việc khang trang hơn; trang bị hệ thống làm mát xưởng sản xuất; với phương châm “Xanh – Sạch – Đẹp” tạo điều kiện làm việc thoáng mát cho người lao động.

3.6 Thời gian làm việc của người lao động trong nhiệm kỳ giảm rõ rệt so với trước đây (trung bình 20 giờ/ tháng / lao động)

3.7 Đã xây dựng được đội ngũ cán bộ cấp trung chuyên nghiệp, trung thành, tận tâm với Công ty, tác phong làm việc chuẩn mực ... nên tạo được nhiều lòng tin với khách hàng, với người lao động.

Tuy nhiên trong nhiệm kỳ còn một vài hạn chế chưa khắc phục triệt để, cụ thể sau:

+ Năng suất lao động một số nơi, nhất là khu vực phía Bắc còn thấp so với mặt bằng chung của các đơn vị trong công ty và trong ngành; việc đầu tư MMTB có công nghệ hiện đại còn ít; công tác quản lý sản xuất chưa đồng bộ, thiếu cán bộ giỏi, có tầm nhìn.

+ Chiến lược về nguồn hàng còn nhiều hạn chế, chưa chủ động khai thác khách hàng tiềm năng;

+ Cơ sở sản xuất vẫn còn manh mún, phân tán, dẫn đến việc chuẩn bị nguồn hàng cho từng nơi gặp rất nhiều khó khăn. Hoạt động của các chi nhánh Hải Phòng, Hà Nội còn tiềm ẩn bất lợi, nhất là về công tác cán bộ.

+ Việc đầu tư xây dựng nhà máy mới để tăng năng lực sản xuất được đặt ra ngay từ đầu nhiệm kỳ và nhấn mạnh hàng năm nhưng thực tế chưa thực hiện được do những yếu tố khách quan và chủ quan.

+ Công tác tuyển dụng lao động gặp rất nhiều khó khăn, số lao động ngày càng giảm, chưa có giải pháp căn cơ khắc phục tình trạng này. Thực trạng các nhà máy sản xuất của Công ty đa phần tại các trung tâm thành phố nên việc tuyển lao động cho ngành may là khó khả thi. Do đó yếu tố tăng lao động phụ thuộc vào đầu tư nhà máy mới tại các khu vực ngoài trung tâm là khả thi.

+ Vai trò lãnh đạo của Ban điều hành đôi lúc chưa đều tay, chưa quyết liệt, thiếu tầm bao quát cả hệ thống ... nhất là công tác cán bộ.

➤ Với thực trạng hiện nay của Công ty, trong nhiệm kỳ tới (2020-2025) cần duy trì phát huy những thế mạnh, thành tích đã đạt được. Những hạn chế cần có các quyết sách kịp thời, nhất quán, phù hợp từng giai đoạn, khả năng của Công ty để đảm bảo cho sự ổn định và phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Để công ty ổn định và phát triển nhằm bù đắp số lao động giảm (chuyển nghề, nghỉ hưu...) buộc phải đầu tư nhà máy mới ngay trong năm 2020 như lộ trình đã xây dựng tại các kỳ đại hội trước.

PHẦN 3 : PHƯƠNG HƯỚNG MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2020-2025

I. Các tác động ảnh hưởng đến hoạt động SX-KD năm 2020- Chỉ tiêu kế hoạch 2020:

1. Tình hình chung :

- Năm 2020 dự báo tình hình thế giới, khu vực vẫn diễn biến phức tạp, khó lường. Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều khó khăn thách thức; chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn: Mỹ-Trung; Châu Âu – Mỹ; Hàn – Nhật khả năng chưa có điểm dừng; biến động tỷ giá, lãi suất, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế tăng.
- Tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến ngày càng phức tạp, lan rộng toàn cầu dẫn đến kinh tế thế giới bị đình trệ, ảnh hưởng các ngành kinh tế. Thị trường may mặc bị cắt giảm nghiêm trọng, các đơn hàng may mặc dù đã có cũng phải ngừng sản xuất, không xuất khẩu được khi các thị trường lớn hạn chế nhập khẩu.
- Tại quý 1 bước sang đầu quý 2/2020 tình hình dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp, khó lường. Do cách ly toàn xã hội theo chỉ đạo của Thủ tướng nên diễn biến hết sức khó khăn cho ngành, cụ thể:
 - + Lao động thiếu cho việc tổ chức sx các đơn hàng (học sinh chưa cho đi học).
 - + Giảm lao động trực tiếp sản xuất theo quy định phòng, chống dịch của địa phương (giãn cách 2m) nên buộc cho công nhân nghỉ luân phiên (CN Hải Phòng).
- Việc sử dụng lao động nhiều của ngành may mặc trong tình hình dịch bệnh hiện nay gây nên những áp lực không nhỏ cho Ban Điều hành khi vừa chống dịch vừa lo công ăn việc làm cho người lao động.
- Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung chưa có điểm dừng nên ảnh hưởng rất lớn đến thị trường may mặc VN, do phần lớn (85%) nguyên phụ liệu sản xuất có nguồn gốc từ Trung Quốc. Dự báo giá NPL năm 2020 sẽ tăng nhưng giá bán tại các thị trường tiêu thụ không tăng (có xu hướng giảm) nên sẽ tác động không tốt cho nhà sản xuất.
- Dự báo quý 3/2020 Công ty sẽ thiếu hàng cho sản xuất vì thông thường phải có xác nhận đơn hàng trước 04 tháng (sản xuất vải, phụ liệu, sản xuất thành phẩm, thời gian vận chuyển...). Hiện tại Công ty chưa nhận được bất cứ đơn hàng nào cho tháng 07/2020 trở đi, với tình hình này thì chỉ khi nào hết dịch Covid-19 mới có thông tin rõ ràng.

2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:

Trước thực tế khách quan đó, HĐQT đã xây dựng chỉ tiêu cho việc phấn đấu thực hiện như sau:

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHO NĂM 2020

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2020	%/thực hiện 2019
1	Tổng doanh thu (tr. đồng)	480.000	107%
2	Lợi nhuận (tr. đồng)	21.000	104%
3	Cổ tức / VDL (%)	15%	100%

II. Phương hướng mục tiêu giai đoạn 2020-2025:

1. Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2020-2025:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tăng trưởng bq/năm
1	Tổng doanh thu	%	10 - 15
2	Lợi nhuận thực hiện / Doanh thu	%	03-05
3	Giá trị đầu tư	tỷ đồng	100-150
4	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	%	15 - 20
5	Tốc độ tăng suất lao động BQ/năm	%	5

(Có tính đến yếu tố mở rộng quy mô sản xuất trong năm 2020,
Chưa tính đến tác động của đại dịch Covid-19)

Một số giải pháp lớn :

a. Nguồn nhân lực:

- Đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực.
- Chế độ chính sách đãi ngộ: Lương, thưởng....

b. Đầu tư MMTB và đổi mới công nghệ.

- Chiều rộng: đầu tư nhà máy Hậu Giang.
- Chiều sâu:
 - + MMTB chuyên dùng.
 - + Nghiên cứu đổi mới công nghệ.
 - + Nghiên cứu đổi mới mô hình – cách thức tổ chức sản xuất.

c. Công tác thị trường:

- Tìm kiếm thị trường khách hàng quy mô lớn hơn- hiệu quả hơn => Chuyên môn hóa sản phẩm từng khu vực nhà máy.
- Tăng nhanh tỷ trọng hàng FOB...

2. Về nâng cao năng lực quản trị, kỹ năng điều hành cho đội ngũ cán bộ:

- + Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hệ thống quy trình, quy chế, quy định trong quản lý, quản trị Công ty theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong tình hình mới; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động đối với đơn vị thành viên.
- + Kiện toàn mô hình tổ chức quản lý trong toàn hệ thống theo hướng tập trung, tinh gọn, huy động và sử dụng hợp lý các nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức phù hợp với mô hình hệ thống SXKD theo từng giai đoạn.

3. Về đầu tư phát triển:

- + Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chức danh cán bộ, quy chế trả lương, trả thưởng phù hợp, tiên tiến; triển khai đào tạo, đào tạo nâng cao để hình thành đội ngũ cán bộ có tâm, có tầm, thực sự có tài năng, có kỹ năng tham gia quản lý, điều hành.
- + Tiếp tục nghiên cứu đầu tư mua sắm, trang bị các loại MMTB phục vụ sản xuất có công nghệ hiện đại, có thể thay thế sức lao động của con người vừa nâng cao năng suất vừa giảm sự phụ thuộc do nguồn nhân công ngành may liên tục biến động giảm.
- + Rà soát lại định mức thời gian chế tạo sản phẩm, định mức tiêu hao nguyên, phụ liệu, vật tư... giảm tối đa lãng phí, triệt để thực hành tiết kiệm nhằm thích ứng với mức giá gia công chung của thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- + Phân đầu đưa nhà máy tại Hậu Giang đi vào hoạt động trong năm 2020 để mở rộng năng lực sản xuất cho Công ty.

4. Về môi trường làm việc và quyền lợi người lao động:

- + Tiếp tục duy trì, cải thiện môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện tạo điều kiện cho người lao động được làm việc đúng chuyên môn, phát huy hết năng lực sở trường. Xây dựng chính sách thu hút và khuyến khích người lao động chủ động, tự giác, sáng tạo, gắn bó lâu dài với Công ty.
- + Luôn luôn quan tâm chăm lo đời sống, vật chất & tinh thần cho người lao động; phân đầu cho người lao động của Công ty luôn có mức thu nhập tiên tiến tại địa phương, vùng mà Công ty có nhà máy. Tích cực triển khai các giải pháp bảo vệ môi trường và tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường bền vững theo chủ trương của Nhà nước và của địa phương.

Trên đây là toàn bộ báo cáo kết quả SXKD năm 2019, tổng kết 5 năm nhiệm kỳ IV và phương hướng mục tiêu cho nhiệm kỳ tới (giai đoạn 2020-2025). Kính mong Đại hội xem xét, thảo luận.

Thưa quý Cổ đông!

Trong suốt 5 năm qua HĐQT nhiệm kỳ IV(2015-2020) được sự tin tưởng của từng Cổ đông đã giao trọng trách cho Chúng tôi lãnh đạo Công ty và chúng tôi đã không phụ lòng quý vị. Để đạt được những thành quả còn khiêm tốn này là cả quá trình nỗ lực, phấn đấu, cố gắng hết khả năng bằng trí tuệ & nhiệt huyết đã lãnh đạo Bình Minh vượt qua những khó khăn.

Thay mặt HĐQT nhiệm kỳ IV tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, đồng hành của quý Cổ đông, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Quý Khách hàng, Bạn hàng, Đối tác trong thời gian qua và toàn thể người lao động của Công ty CP may Bình Minh. Kính chúc quý vị dồi dào Sức khỏe, Hạnh phúc và Thành công.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Lê Mạc Thuần

